

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05-4-2021
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Tấn Út.

- Ông Võ Tấn Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXX-DS ngày 12 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Số X, ấp Phước B, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn N**, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Kiết T, xã Lâm K, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/01/2021 và tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Chị và Anh Trần Văn N cưới nhau năm 2013, đến năm 2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lâm K, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, nguyên nhân anh N không lo làm ăn, ham mê cờ bạc, đá gà, chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh N không thay đổi, nên vợ chồng ly thân từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay. Nay do hôn nhân không hạnh phúc, chị không còn tình cảm dành cho chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N. Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Trần Thị Ngọc V, sinh ngày 13/7/2013, con đang do chị nuôi dưỡng. Khi vợ chồng ly hôn, chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và

yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu V tròn 18 tuổi, tại phiên tòa chỉ thay đổi đối với yêu cầu cấp dưỡng, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/02/2021 và tại Tòa án bị đơn anh Trần Văn N trình bày:*

Anh thống nhất với phần trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn anh N trình bày trước đây anh cũng có ham chơi, không lo làm ăn dẫn đến nợ nần nhưng anh đã sửa đổi, vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2010 đến nay do chị T về nhà mẹ ruột sinh sống. Nay anh vẫn còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn mà yêu cầu được hàn gắn. Về con chung, thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị Ngọc V, sinh ngày 13/7/2013 hiện đang sống chung với chị T. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn anh đồng ý giao con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có, nên không yêu cầu giải quyết.

- *Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:*

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh N; về con chung giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Thị Ngọc V đến khi đủ 18 tuổi, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Bích T yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn N và yêu cầu nuôi con chung. Quan hệ tranh chấp được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, 56, 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị T thay đổi một phần khởi kiện, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Việc thay đổi không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn thể hiện ngày 15/4/2014 chị T và anh N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lâm K, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, đương sự trình bày kết hôn trên cơ sở tự nguyện, do vậy hôn nhân này là hợp pháp. Qua lời trình bày của nguyên đơn trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do anh N ham mê cờ bạc, không lo làm ăn, mặc dù chị T đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng bản thân anh N không sửa đổi, từ đó dẫn đến cự cãi nhau, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên đã ly thân từ tháng

10 năm 2020 đến nay, chị T về nhà mẹ ruột sinh sống. Bị đơn anh N cũng trình bày trước đây anh có ham chơi nhưng giờ anh đã sửa đổi và mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh không đồng ý ly hôn với chị T. Hội đồng xét xử thấy rằng qua kết quả xác minh, thu thập tài liệu cũng như tại phiên toà hôm nay cho thấy trong quá trình chung sống chị T và anh N thực tế có phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân không hạnh phúc, dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau. Từ khi chị T yêu cầu ly hôn cho đến nay anh N cũng không đưa ra biện pháp nào để hàn gắn với chị T và mâu thuẫn giữa vợ chồng đến nay vẫn không giải quyết được, nếu tiếp tục kéo dài là không thể mang lại hạnh phúc, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh N là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về yêu cầu nuôi con chung: Vợ chồng thống nhất có một con chung tên Trần Thị Ngọc V, sinh ngày 13/7/2013, hiện con đang sống chung với chị T, khi ly hôn chị T yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Anh N cũng đồng ý giao con cho chị T và anh không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận, giao con chung là cháu Trần Thị Ngọc V cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Cấp dưỡng nuôi con không xem xét do đương sự không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh N thống nhất trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không nợ chung và không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T là người khởi kiện nên phải chịu án phí hôn nhân 300.000 đồng theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì là có căn cứ pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với anh Trần Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Ngọc V, sinh ngày 13/7/2013 cho chị Nguyễn Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn N

có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu tiền án phí ly hôn 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008258 ngày 20/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, chị T đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- UBND xã Lâm Kiết;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Nghiệp